TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHI LỘC** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15- 07- 2022

V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Hòa và ông Nguyễn Xuân Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Xuân Giáp – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1990

Địa chỉ: xóm R Th, xã Ng Th, huyện Ng L, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình B, sinh năm 1991

HKTT: xóm Th Th, xã Ng H, huyện Ng L, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ: ô 416 DC 51, đường D30, khu dân cư V, phường A Ph, thị xã Th A, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 4 năm 2022, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình B lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 08-02-2011 tại UBND xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, hay cãi cọ lẫn nhau đôi lúc còn xúc phạm lẫn nhau nên mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không thể giải quyết được. Chị và anh B đã sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay. Nay chị S không còn tình cảm với anh B nữa yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Mai S, sinh ngày 15-03-2013. Chị S có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung mà không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị S lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 08-02-2011 tại UBND xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau khi kết hôn được 04 năm thì anh B vào miền Nam làm ăn, thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc với nhau nhưng về sau thì ít liên lạc với nhau. Chị S ở nhà không lo làm ăn, chị S đã đưa con về bên ngoại để sinh sống, anh B có khuyên nhủ nhưng chị S không chịu nghe. Kể từ đó giữa anh và chị S mâu thuẫn và không còn quan tâm, chăm sóc nhau nên tình cảm đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, đã ly thân từ đầu năm 2016 đến nay. Nay, chị S yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh đồng ý để chị S trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thị Mai S, sinh ngày 15-03-2013. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Đình B; Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Mai S, sinh ngày 15-03-2013 cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đình B không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị S không có yêu cầu. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày ngày ngày 08-02-2011 tại UBND xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện trên cơ sở tự nguyện. Bị đơn cư trú tại huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Nay nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với bị đơn, theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã tiến hành giao thông báo về việc thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, giao nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, Bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Nguyên đơn và bị đơn lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày ngày 08-02-2011 tại UBND xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện trên cơ sở tự nguyện và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân đó là hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Về yêu cầu về ly hôn: Lời khai của Nguyên đơn, bị đơn cho thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa Nguyên đơn và bị đơn đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục kéo dài. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và bị đơn cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, có thể khẳng định, tình trạng hôn nhân đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Nguyễn Đình B là phù hợp với pháp luật.

- Về con chung: Đương sự đã thống nhất được việc nuôi con chung sau khi ly hôn: Giao con chung là Nguyễn Thị Mai S, sinh ngày 15-03-2013 cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đình B không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị S không có yêu cầu, là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1Điều 28, khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Đình B.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Mai S, sinh ngày 15-03-2013 cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đình B không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị S không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Nếu Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung thì Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở Người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung**:** Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005212 ngày 05 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nghi Lộc;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Thi hành án DS H.Nghi Lộc;
- UBND xã Nghi Hoa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Hải Dương